

Số: 46a /BC – UBND

Quảng Phước, ngày 15 tháng 9 năm 2014

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

**Thời gian đánh giá: Từ ngày 13 đến 15/9/2014**

**Nhóm đánh giá:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Phan Hùng Sơn	Phó Chủ tịch UBND xã	Trưởng nhóm
2	Lê Quang Trung	UVUB, Trưởng CA xã	Phó trưởng nhóm
3	Nguyễn Quả	Công chức VP – TK xã	Thành viên
4	Nguyễn Thị Lý	PCT Hội Phụ nữ xã	Thành viên
5	Hoàng Hữu Quang	Công chức VP – TK xã	Thành viên
6	Phan Lương Thảo	BCH Quân sự xã	Thành viên
7	Phan Gia Nhật Sơn	Công chức ĐC - XD	Thành viên
8	Phan Mậu Đứng	Trưởng thôn Thủ Lễ 3	Thành viên
9	Phan Chương	Trưởng thôn Thủ Lễ 2	Thành viên
10	Nguyễn Bá Phước	Trưởng thôn Khuông Phò	Thành viên
11	Nguyễn Khôi	Trưởng thôn Mai Dương	Thành viên
12	Trương Minh Phú	Trưởng thôn Phước Lý	Thành viên
13	Hoàng Loan	Trưởng thôn Phước Lâm	Thành viên
14	Hà Văn Dân	Trưởng thôn Phước Lập	Thành viên
15	Hoàng Châu	Trưởng thôn Hà Đồ	Thành viên

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :**

**1. Đặc điểm địa lý:**

Quảng Phước là xã đồng bằng chiêm trũng Ven phá Tam Giang nằm cuối hạ lưu sông Bồ, nằm về phía Đông Nam của huyện Quảng Điền, cách thành phố Huế 18 km về phía Bắc. Phía Nam giáp xã Quảng Thọ, Phía Bắc giáp xã Quảng Công, Phía Đông giáp xã Quảng An, Phía Tây giáp Thị Trấn Sịa. Xã Quảng Phước có địa hình bằng phẳng là vùng thấp trũng nên hàng năm chịu nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra và ngập úng.

**2. Tình hình dân số:**

Toàn xã có 8 thôn trong đó có 5 thôn thuộc vùng đầm phá Tam Giang, Mai Dương, Phước Lý, Phước Lâm, Phước Lập, Hà Đồ là vùng thấp trũng, đất đai thường xuyên bị nhiễm mặn. Vì vậy trong sản xuất nông nghiệp thường bị mất mùa do nhiễm mặn nên vùng này chủ yếu là nuôi trồng thủy sản (chiếm trên 40%). ba thôn Thủ Lễ 2, Thủ Lễ 3, Khuông Phò chạy dọc theo tuyến tỉnh lộ 4B đây là vùng trọng điểm lúa của xã, đồng thời là tuyến giao thông huyết mạch nối với các xã trong Huyện. Dân số toàn xã gồm có 2.024 hộ, 8.545 nhân khẩu, trong đó nữ 4.284, nam 4.261.

*Cơ cấu độ tuổi:* Dưới 16 tuổi 3.364 người, chiếm 39,6%; Từ 16-25 tuổi 872 người, chiếm 10,2%; từ 25-40 tuổi 1.149 người, chiếm 13,4%; từ 40 -60 tuổi 1.327 người, chiếm 15,5 % và trên 60 tuổi 1.833 người, chiếm 21,4 %. (từ 16 tuổi trở lên 5.181 người).

### **3. Việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên:**

#### **a. Tài nguyên đất.**

Theo số liệu kiểm kê đất đai đến ngày 01/01/2010 cho thấy, Quảng Phước có tổng diện tích đất tự nhiên là 1.267,77 ha. Trong đó đất nông nghiệp là 689,74 ha chiếm 54,4% tổng diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp là 563,76ha chiếm 44,47%, đất chưa sử dụng là 14,27 ha chiếm 1,13% tổng diện tích tự nhiên.

#### **b. Tài nguyên đầm phá:**

Quảng Phước có hệ thống đê I Cô chắn sóng và ngăn mặn với chiều dài gần 4 km chạy dọc theo vùng phá Phá Tam Giang nằm trong hệ đầm phá Tam Giang có dạng địa hình thủy vực sông như một dòng chảy hẹp kéo dài với nhiều loài sinh vật thủy sinh sinh sống kèm theo hệ sinh vật ở đây khá đa dạng và phong phú. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá đã tạo ra công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân.

### **4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Tổng lao động trong độ tuổi của xã rất lớn và tương đối trẻ, có trình độ. Hiện có 3.348 lao động trong độ tuổi, chiếm 39,18% dân số của xã, trong đó khoảng 1.490 lao động đã qua đào tạo (chiếm 44,5%). Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng có xu hướng giảm so với trước, cụ thể là: Nông nghiệp 2000 lao động chiếm 60%; Ngư nghiệp 650 chiếm 20%; TTTCN – XD 698 lao động chiếm 20%.

### **5. Hạ tầng cơ sở :**

*5.1. Giao thông nông thôn:* Hệ thống đường giao thông nông thôn của xã (đường trục chính tỉnh lộ 4B xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm và đường trục chính nội đồng cơ bản đã bê tông hóa cụ thể đường trục xã tổng chiều dài 7/7 km đạt 100%; đường thôn, liên thôn 3,7/3,7 km đạt 100%; đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa: 17,8/21,2 km đạt 84%; đường trục chính nội đồng đã được kiên cố hoá là 3/4,9 km đạt 61%.

*5.2. Thủy lợi:* Toàn xã có 05 trạm bơm điện tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trạm bơm Đông Phước 1; Trạm bơm Đông Phước 2; trạm bơm Bạch Đằng và trạm bơm Phước Lý, Trạm bơm Mai Dương). Tổng chiều dài hệ thống kênh mương, thủy lợi là 19,6 km, do 3 Hợp tác xã quản lý và xây dựng, trong đó số được đầu tư xây dựng kiên cố từ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nhân dân đóng góp là 16,5 km đạt 84% còn lại 3,1km cần được kiên cố hoá. Nhìn chung, rất lợi thể nhờ có sông Bồ nên việc tưới tiêu, phục vụ cho sản xuất, nông nghiệp được chủ động và đảm bảo.

*5.3. Trường học:* Hiện có 4 trường học cơ sở vật chất cơ bản tương đối đảm bảo, trong đó có 1 trường được cộng nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

*5.4. Trạm Y tế :* Trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng 02 tầng với đầy đủ các phòng chức năng của trạm y tế xã và được cộng nhận trạm đạt chuẩn Quốc gia.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được chú trọng, đã thực hiện tốt các chương trình y tế cộng đồng, các chiến dịch uống vitamin và các chương trình tiêm chủng đạt 100%. Mạng lưới y tế thôn được kiện toàn củng cố,

đã thường xuyên chủ động triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường và phòng ngừa ngăn chặn các dịch bệnh.

#### **5.5. Cơ sở vật chất văn hoá:**

Đang triển khai xây dựng khu văn hoá trung tâm xã với diện tích 4.000m<sup>2</sup> , đối với các thôn chưa có khu thể thao thôn. Hiện có 3/8 thôn có nhà văn hóa thôn (*Khuông Phò, Thủ Lễ 3, Mai Dương*) 5 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng phục vụ cho việc hội họp và tổ chức các hoạt động văn hoá và các phong tục tập quán của nhân dân trong thôn, nhất là các dịp lễ tết.

Hệ thống tuyên thanh từ xã đến thôn có 12 cụm loa thường xuyên tiếp âm đài tuyên thanh huyện, đài tiếng nói Việt Nam theo thời lượng quy định.

#### **5.6. Bưu điện:**

Xã có 01 điểm Bưu điện văn hoá để phục vụ nhân dân trong thông tin liên lạc và đọc sách báo, hệ thống thông tin liên lạc đã phủ kín trong nhân dân, mạng Internet đã được nối về các khu dân cư trên địa bàn xã, phục vụ cho nhu cầu cập nhật, tiếp nhận thông tin của nhân dân.

#### **5.7. Điện:**

Hệ thống điện trên địa bàn xã được cấp từ nguồn điện Quốc gia với 15km đường dây 0,4 và 0,2 có 05 trạm biến áp 125 KVA, với 201 trụ điện được thay thế mới và tận dụng lại 60 trụ H6, Đến nay hệ thống điện REII đã hoàn thành để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và phát triển sản xuất của xã. Tính đến năm cuối 2014 số hộ sử dụng điện trên địa bàn đạt 100%.

### **6. Nhà ở dân cư nông thôn:**

Phần lớn nhà ở của nhân dân trên địa bàn xã đã được xây dựng kiên cố, kiến trúc và mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của vùng, có niên hạn sử dụng từ 20 năm trở lên, nhà theo kiến trúc mới đang được nhân dân xây dựng ngày càng lớn để tiết kiệm quỹ đất ngày càng khan hiếm. Khuôn viên nhà bình quân đạt trên 15m<sup>2</sup>/01 người, được bố trí gồm nhà ở, các công trình phụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày, Hiện còn nhà tạm 51 hộ, nhà bán kiên cố 1.134 hộ, nhà kiến cố - cao tầng 406 hộ.

### **7. Môi trường – Nước sạch:**

Cảnh quan môi trường trên địa bàn xã nhìn chung được cải thiện đáng kể và ngày càng được quan tâm hơn với nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực như ngày Môi trường thế giới, các ngày lễ, tết cổ truyền hàng năm, UBND xã đã triển khai ra quân từ xã đến thôn và các cơ quan đơn vị làm vệ sinh môi trường, nhất là sau các đợt bão lũ để tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và đảm bảo sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, Hiện nay, xã đã thực hiện tốt đề án thu gom rác thải trên địa bàn.

Cùng với các chính sách ưu đãi của Nhà nước về đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch phục vụ nhân dân đến nay UBND xã đã vận động 100% nhân dân trong xã đăng ký sử dụng nước máy sạch đảm bảo hợp vệ sinh. Đến nay tỷ lệ dùng nước sạch hợp vệ sinh trong toàn xã đạt 100 %.

### **8. Công tác phòng, chống thiên tai:**

Do tình hình đặc điểm địa lý của xã Quảng Phước là vùng thấp trũng hàng năm từ tháng 9 đến tháng 11 phải chịu ảnh hưởng của nhiều trận bão lụt và diễn biến phức tạp do biến đổi khí hậu nên lãnh đạo xã hết sức quan tâm và xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị và toàn dân, do vậy đã tăng

cường công tác kiểm tra vùng điểm xung yếu, xác định đối tượng dễ bị tổn thương, bổ sung kế hoạch phòng ngừa thảm họa thiên tai, đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt 5 phương châm tại chỗ và kế hoạch chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm. Từ đó trong những năm gần đây không xảy ra thiệt hại về người trên địa bàn xã.

## II. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

### 1. Thông tin đánh giá về lịch sử thiên tai:

Năm tháng	Thiên tai	Đặc điểm Xu hướng	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Nguyên nhân thiệt hại	Đã làm gì để phòng chống
1985	Bão	Mạnh, bất ngờ, kèm theo triều cường	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 76 người chết</li> <li>- 40% nhà dân bị sập</li> <li>- 80% nhà bị tốc mái</li> <li>- Gia súc, gia cầm bị chết..</li> <li>- Lúa bị ướt 150 tấn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà chưa kiên cố nhiều</li> <li>- Một số hộ gia đình sống trên đằm phá, trên thuyền nên gió bão làm chìm thuyền.</li> <li>- Thiếu thông tin liên lạc, chưa có ai cảnh báo.</li> <li>- Chưa có kinh nghiệm nhiều trong chỉ đạo phòng ngừa.</li> <li>- Ý thức của người dân về PCTT còn hạn chế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng dân cư tự khắc phục và giúp đỡ lẫn nhau</li> <li>- Sơ tán đến các nhà kiên cố</li> </ul>
11/1999	Lụt (lịch sử)	Nước lũ từ thường nguồn đổ về rất nhanh và lên cao 1,5-3m; kết hợp mưa to và triều cường gây lũ kéo dài từ 7 -10 ngày	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 người chết</li> <li>- 102 nhà bị sập</li> <li>- 5 nhà trôi</li> <li>- 180 nhà siêu vẹo</li> <li>- Trụ sở UBND xã bị sập</li> <li>- Tỉnh lộ 4B bị nứt vỡ</li> <li>- 85% gia súc, gia cầm bị cuốn trôi</li> <li>- 30% diện tích đất NN bị bồi lấp, đê đập sạt lở.</li> <li>- Nhiều công trình cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường trạm bị hư hỏng nặng.</li> <li>- Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do nước lên quá nhanh, vào ban đêm</li> <li>- Địa bàn ở khu vực hạ lưu sông bò, khu vực thấp trũng.</li> <li>- Vỡ tuyến đường Tỉnh lộ 4B làm nước tràn vào khu vực nội đồng nhanh.</li> <li>- Nhiều nhà tạm, nhà không kiên cố.</li> <li>- Chuồng trại của các hộ chăn nuôi yếu, không đảm bảo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND xã (Ban PCLB xã) đã tổ chức di dời người dân lên cao, các khu vực vùng trũng nguy hiểm đến nơi an toàn.</li> <li>- Tuyên truyền thông tin đến tận người dân</li> <li>- Cấp phát lương thực, thực phẩm thuốc uống kịp thời</li> <li>- Thực hiện tốt phương châm</li> </ul>

						4 tại chỗ. - Người dân có tinh thần hỗ trợ lẫn nhau - Chủ động phối hợp làm vệ sinh sau lũ, xử lý nguồn nước ăn uống
10/2004	Lụt	Mưa lớn, kết hợp thủy triều dâng	7/8 thôn	-Gia cầm chết 70% -Gia súc chết 10% -Thóc ứọt 115 tấn - Đê kè, giao thông, bờ bao, bờ vùng nội đồng sạt lở, ruộng bồi lấp.	- Nước dâng nhanh bất ngờ - Số nhà tạm bợ trong xã còn nhiều - Nhận thức người dân chưa cao -Hệ thống đê kè đạt 20%	- Đã thành lập Ban chỉ huy PCLB xã - Chủ động di dời dân từ vùng thấp lên vùng cao - Thành lập đội cứu hộ thôn - Vận động dân chằng chống nhà cửa
2006	Bão	Mạnh và kèm theo lũ lớn Xảy ra vào ban đêm	Toàn xã	-Nhà bị tốc mái, bị sập -Thiệt hại hoa màu -Sạc lở và bị bồi lấp	-Đa số nhà còn tạm bợ -Hệ thống thông tin còn thiếu	-Có sự hỗ trợ của chính quyền các cấp -Người dân phát huy nội lực và giúp đỡ lẫn nhau
1/2007	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp, kéo dài kết hợp mưa phùn	Toàn xã	-Lúa chết, gieo sạ lại Vật nuôi chết, chậm lớn thiệt hại kinh tế hộ	- Thiếu kiến thức về chống rét Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo. - Bệnh về đường hô hấp đối với người già và trẻ em	- Có sự chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật, chăm sóc cây trồng vật nuôi của phòng nông nghiệp - Che chắn chuồng trại bón tro bếp, bơm giữ nước trong chân ruộng - Chủ động giống để gieo sạ lại một số diện tích
					-Người dân chưa có kinh nghiệm trong phòng chống dịch bệnh	- Chính quyền hỗ trợ dập dịch - Có sự hỗ trợ của nhà nước

2008	Hạn, nắng hóng	Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao	Toàn xã	-Dịch tai xanh lợn 240 tấn thịt lợn bị tiêu hủy -Nhiều diện tích lúa có khả năng bị nhiễm mặn khoảng 150ha	tai xanh -Chưa có vắc xin phòng bệnh tai xanh -Ý thức người dân còn kém, nhiều hộ bán chạy lợn bị bệnh. - Hệ thống đóng mở của Cổng Bạch Đằng khó khăn(2-3h mới mở hoặc đóng xong)	về giá đền bù thiệt hại -Tiêu độc khử trùng trên địa bàn toàn xã -Thành lập Ban chỉ đạo dập dịch -Có đập Thảo long ngăn mặn giữ ngọt - Nhà máy điện Hương điền
2009	Bão	Mạnh kèm theo lũ lớn	Toàn xã	Nhà tốc mái Thiệt hại hoa màu Sạt lở đất Đất NN bị bồi lấp	-Nhà tạm bợ 10% -Một bộ phận người dân chủ quan	-Có sự chỉ đạo của các cấp các ngành -Thông tin liên lạc kịp thời -Người dân tương trợ lẫn nhau
1/2013	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp, kéo dài kết hợp mưa phùn	Toàn xã	Lúa chết, gieo sạ lại 20%DT Vật nuôi chết, chậm lớn thiệt hại kinh tế	-Thiếu kiến thức về chống rét -Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo -Bệnh về đường hô hấp đối với người già và trẻ em -Tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ, thả rong	-Có sự chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật, chăm sóc cây trồng vật nuôi của phòng nông nghiệp -Che chắn chuồng trại bón tro bép, bơm giữ nước trong chân ruộng Chủ động giống để gieo sạ lại một số diện tích
10/2013	Bão	Gió giật mạnh	Vùng ven phá	Cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản	-Nước biển dâng, sóng lớn -Hệ thống đê bao nuôi trồng yếu -Một bộ phận người dân chủ quan	-Xã đã thành lập ban chỉ đạo -Thông tin đến tận mọi người dân -Di dời dân đến nơi an toàn -Thông báo chằng chống nhà cửa

## 2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

- Nhận xét chung: Toàn xã vẫn còn 51 nhà tạm dễ bị tác động của bão, lụt, ngoài ra có 1.134 nhà bán kiên cố rất dễ bị tác động của bão. Có 5 thôn thuộc vùng đầm phá Tam Giang là Mai Dương, Phước Lý, Phước Lâm, Phước Lập, Hà Đồ là vùng thấp trũng, đất đai thường xuyên bị nhiễm mặn, một số bà con nuôi trồng thủy sản trên phá Tam Giang rất nguy hiểm khi thiên tai xảy ra, một số bà con còn chủ quan chưa chịu chằng néo nhà cửa, thiếu chuẩn bị lương thực thực phẩm trước mùa mưa bão, 5% hộ gia đình chưa chịu đi sơ tán bão, lụt khi có lệnh sơ tán của chính quyền.

- Bảng tóm tắt các TTDBTT

Thiên tai	Lĩnh vực	Tình trạng dễ bị tổn thương
Bão	An toàn cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà tạm: 51 (trong đó Thủ Lễ 3, 10, Thủ Lễ 2, 8, Khuông Phò 7, Mai Dương 18, Phước Lý 3, Phước Lâm 1, Phước Lập 3, Hà Đồ 1)</li> <li>- Nhà bán kiên cố: 1.134 (trong đó Thủ Lễ 3, 193, Thủ Lễ 2, 302, Khuông Phò 202, Mai Dương 200, Phước Lý 69, Phước Lâm 70, Phước Lập 78, Hà Đồ 20).</li> <li>- 70 nhà ở ven phá Tam Giang (Phước Lâm 15, Phước Lý 15, Mai Dương 20, Phước Lập 20, Hà Đồ 1) với 210 người.</li> <li>- Số người DBTT: 2.005 người (trong đó Thủ Lễ 3, 68, Thủ Lễ 2, 341, Khuông Phò 895, Mai Dương 375, Phước Lý 97, Phước Lâm 173, Phước Lập 44, Hà Đồ 12).</li> <li>- 108 hộ phải đi di dời sơ tán khi có bão</li> <li>- 500 hộ còn chủ quan coi thường, chưa có sự chuẩn bị về lương thực, thực phẩm trước mùa mưa lũ.</li> <li>- 5% hộ không chịu đi sơ tán (do chủ quan, sợ mất tài sản).</li> <li>- Có 912 hộ không có sự chuẩn bị chằng chống nhà</li> <li>- 20% hộ chưa nghe được thông tin cảnh báo trên hệ thống truyền thanh của xã.</li> <li>- 167 hộ nuôi trồng thủy sản ở Phá Tam Giang dễ bị thiệt hại về tính mạng và tài sản khi có bão, lụt.</li> <li>- 103 thuyền khai thác trên phá Tam Giang không mang theo áo phao, phao cứu sinh 103 người.</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100 ghe khai thác cá loại nhỏ, dễ bị lật khi đánh bắt trên phá 10 ghe/người.</li> <li>- Các cơ sở vật chất của các thôn: như trụ sở thôn, nhà văn hóa thôn, nhà tạm, nhà bán kiên cố bị xuống cấp dễ bị sập.</li> </ul>
	Sản xuất kinh doanh	<p>Diện tích đất trồng lúa thường bị ảnh hưởng do bão 185,6 ha ( trong đó thôn Thủ Lễ 3, 68, Thủ Lễ 2, 12, Khuông Phò 65,6, Mai Dương 25, Phước Lý 5, Phước Lâm 10). Diện tích đất trồng màu thường bị ảnh hưởng do bão 58 ha (trong đó thôn Thủ Lễ 3, 2,1ha, Khuông Phò 1ha, Phước Lý 1,9ha, Phước Lâm 0,8).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành, nghề bị ảnh hưởng, số hộ hành nghề bị ảnh hưởng: Ngành xây dựng, dịch vụ tiêu thụ công nghiệp với tổng số 778 hộ ( trong đó thôn Thủ Lễ 3, 100, Thủ Lễ 2, 70, Khuông Phò 195, Mai Dương 120, Phước Lý 25, Phước Lâm 20, Phước lập 200, Hà Đồ 50 ).</li> </ul>
	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	<p>Các bệnh thường ảnh hưởng sau bão: Cảm cúm, nhức đầu, nóng sốt... Ô nhiễm môi trường do lá cây rụng, bụi bẩn, cây xanh đổ ngã.</p>
Lụt	An toàn cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số nhà ở trong vùng ngập sâu 123 nhà</li> <li>- Nhà tạm : 30 nhà</li> <li>- Nhà bán kiên cố : 87 nhà</li> <li>- 346 hộ ở trong vùng ngập sâu</li> <li>- 2.005 người dễ bị tác động do lũ lụt</li> <li>- 108 hộ phải di dời sơ tán khi lụt lớn</li> <li>- Số hộ, số người còn chủ quan coi thường</li> <li>- 1.571 hộ có dự trữ lương thực, thực phẩm</li> <li>- 5 % hộ không chịu đi sơ tán (chủ quan, sợ mất tài sản ).</li> <li>- 913 hộ không có sự chuẩn bị chằng chống nhà</li> <li>- 1.524 hộ không có các phương tiện như ghe, xuồng....</li> <li>- Các cơ sở vật chất của cộng đồng như trụ sở thôn, nhà văn hóa thôn...</li> </ul>
	Sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập sâu</li> <li>- Diện tích đất trồng màu ở trong vùng thường bị ngập sâu 5,8 ha.</li> <li>- 167 hộ nuôi trồng thủy sản ở Phá Tam Giang bị thiệt hại.</li> <li>- Dịch vụ tiêu thụ công nghiệp, xây dựng bị ảnh hưởng</li> <li>- 3,1 km kênh mương còn làm bằng đất chưa</li> </ul>



		được kiên cố, dễ bị thiệt hại .
	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bệnh thường ảnh hưởng sau lụt như cảm cúm, nhức đầu, nóng sốt, đau bụng...</li> <li>- Do ở cuối sông nên sau khi lụt các loại rác thải, xác súc vật chết ở phía thượng nguồn trôi về gây ô nhiễm môi trường.</li> </ul>

### 3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

- Nhận xét chung: Trên các lĩnh vực đã có các nguồn lực để ứng phó tốt khi thiên tai xảy ra; xã đã có chuẩn bị các điểm sơ tán, lập kế hoạch tổ chức sơ tán các hộ gia đình đến các điểm sơ tán an toàn trong các thôn khi có bão, lụt xảy ra. Các phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai tại xã và các thôn tương đối đầy đủ; Dự trữ đủ cơ sở lương thực thực phẩm ( như gạo, mì tôm, dầu, ga, xăng, dầu DiaZen...

- Hệ thống y tế đáp ứng nhu cầu về phương tiện kỹ thuật và cơ số thuốc tuyên truyền và chăm sóc người bệnh trong xã.

- Bảng tóm tắt Năng lực PCTT

Thiên tai	Lĩnh vực	Năng lực Phòng chống thiên tai
Bão	An toàn cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 646 nhà kiên cố (trong đó thôn Thủ Lễ 3, 96, Thủ Lễ 2, 68, Khuông Phò 141, Mai Dương 200, Phước Lý 16, Phước Lâm 70, Phước Lập 25, Hà Đồ 30).</li> <li>- Khảo sát và lập 90 điểm sơ tán tại chỗ trong đó có trường THCS, 2 trường tiểu học, trường Mầm non, trạm y tế, HTX, trung tâm học tập cộng đồng, Hội trường UBND xã, Văn phòng HTX Đông Phước và 81 nhà kiên cố - cao tầng trong các thôn.</li> <li>- Các thôn đã xây dựng kế hoạch sơ tán, lập danh sách các hộ sơ tán, các địa điểm sơ tán và thông báo cho các hộ gia đình biết.</li> <li>- 657 hộ có sự chuẩn bị chằng chống nhà cửa. (trong đó Thủ Lễ 3, 100, Thủ Lễ 2, 162, Khuông Phò 150, Mai Dương 35, Phước Lý 80, Phước Lâm 70, Phước Lập 30, Hà Đồ 30).</li> <li>- 1.651 hộ có dự trữ lương thực, thực phẩm như gạo, mì ăn liền và thức khô...</li> <li>- Hệ thống truyền thanh từ xã đến thôn có 12 cụm loa, 8 loa tay.</li> <li>- 80% hộ nghe được thông tin cảnh báo thiên tai trên loa tuyên thanh xã,</li> <li>- Xã có kế hoạch chuẩn bị 4 chiếc thuyền máy (01 chiếc tại UB xã, 01 chiếc hợp đồng ở Phước</li> </ul>

		<p>Lập, 01 chiếc ở Khu vực Mai Dương, 01 chiếc hợp đồng ở Thủ Lễ 2), 200 áo phao, 100 phao cứu sinh. Khu vực đầm phá 5 thôn có 5 chiếc thuyền máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế xã có nhà 02 tầng kiên cố, với đầy đủ các phòng chức năng của trạm y tế xã và được công nhận trạm đạt chuẩn Quốc gia. Mạng lưới y tế thôn có 8 người.</li> </ul>
	Sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe vận tải: 6 chiếc</li> <li>- Cửa hàng kiên cố : 3 cửa hàng</li> <li>- Máy chạy điện: 01cái</li> <li>- Đủ các mặt hàng LTTP, như yếu phẩm khác như mì tôm, xăng dầu, thức ăn khô.</li> <li>- Có 05 trạm bơm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, 16,5 km km hệ thống kênh mương, thủy lợi kiên cố. Nhìn chung, nhờ có lợi thế của sông Bò nên xã đảm bảo, chủ động nhu cầu về tưới tiêu, phục vụ sản xuất.</li> <li>- Có hệ thống đê chắn sóng vừa ngăn mặn dài gần 4 km, trên đê có hệ thống cống thoát lũ.</li> </ul>
	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% hộ có chuẩn bị thuốc, dụng cụ y tế trước bão</li> <li>- 95% người dân có ý thức về vệ sinh môi trường, xử lý rác thải</li> </ul>
Lụt	An toàn cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các điểm sơ tán lũ lụt như nhà cao tầng trong thôn, 5 trường học, 1 trạm y tế, 1 trụ sở UBND xã, HTX Đông Phước.</li> <li>- 657 hộ có sự chuẩn bị chằng chống nhà cửa.</li> <li>- 1.651 hộ có dự trữ lương thực, thực phẩm như gạo, mì ăn liền và thức khô...</li> <li>- Phương tiện PCLB của thôn: Đò máy 2 : chiếc, trên 100 ghe chiếc, ao phao 40 cái .</li> <li>- Phương tiện phòng chống lụt bão của xã: Đò máy 2 chiếc, ghe 4 chiếc, ao phao 200 cái, phao cứu sinh 100 cái.</li> <li>- Máy chạy điện 12 Kw: 01cái</li> </ul>
	Sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thủy lợi: 5 Trạm bơm nước</li> <li>- Hệ thống đê I Cô 4 km có cống thoát lũ</li> <li>- Máy bơm nước : 16 máy</li> <li>- Máy cày : 25 máy</li> <li>- Máy gặt đập liên hợp: 7 máy</li> </ul>
	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50 hộ có tủ thuốc gia đình</li> <li>- Có trạm y tế, 8 y tế thôn bản</li> <li>- 100% hộ gia đình sử dụng nước máy, trong mưa lụt có dự trữ nước uống trong lu, chum, xô</li> <li>- 90% hộ có hồ xí hợp vệ sinh</li> <li>- 100% thôn, cơ quan đơn vị ra quân làm vệ sinh</li> </ul>

môi trường sau bão lũ xảy ra.

### III. Tổng hợp rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai

#### 1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

##### a. Bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Rủi ro thiên tai
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Ô nhiễm môi trường trong khu dân cư
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Công trình thủy lợi, bị hư hỏng
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Lúa chết làm giảm năng suất, lương thực thực phẩm bị ướt, bị cuốn trôi.
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi, dịch bệnh
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Giao thông nội đồng, đê điều bờ bao, bờ vùng bị sạt lở xói mòn do công Bằng dâng đồng mỡ không được
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	Có thể bị nước cuốn trôi tài sản và người DBTT đoạn đường tránh bão lụt từ cống Phước Lâm - đến Đê I cô
Lụt	Mật độ nước nước lớn, lên nhanh	- Xóm đảo thôn Thủ Lễ 2 do đường thấp trung nên phòng tránh bão lụt khó khăn
Bão	Cường độ mạnh khó lường, nước dâng cao	Nhà sập, tóc mái, tài sản cuốn trôi, cơ sở hạ tầng hư hỏng
Bão, lụt	Cường độ mạnh, nước dâng cao	Sạt lở và ô nhiễm ao hồ Nuôi trồng thủy sản
Bão, lụt	Cường độ mạnh, nước dâng cao	Người bị thương hoặc chết do nhà sập hoặc nước cuốn trôi.

**b. Bảng xếp hạng (theo địa bàn)**

Thông tin xếp hạng	Kết quả xếp hạng các thôn								Thứ tự xếp hạng Toàn xã
	TL2	TL3	KPhò	MD	PLý	PLâm	PLập	HD	
Sửa chữa hệ thống đóng mở Công Bạch đăng Bê tông hoá đoạn đường tránh bão lụt từ cống Phước Lâm - đến Đê I cô Nâng cấp đường phòng tránh bão lụt xóm đảo thôn Thủ Lễ 2	1	1	5	1	1	1	6	5	1
Người bị thương	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ô nhiễm môi trường trong khu dân cư	3	3	3	3	4	4	8	5	3
Nhà sập, tốc mái, tài sản cuốn trôi, cơ sở hạ tầng hư hỏng	4	4	4	4	3	3	4	4	4
Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi, dịch bệnh	5	5	5	5	5	5	5	7	5
Lúa chết làm giảm năng suất	6	6	6	6	6	6	7	8	6
Công trình thủy lợi, bị hư hỏng	7	7	7	7	7	7	8	6	7
Sạt lở và ô nhiễm ao hồ Nuôi trồng thủy sản	8	8	1	8	8	6	1	1	8

**c. Bảng Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai**

STT	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến trợ	
					Bên ngoài	Nhân dân
1	Thay phai Cống	HTX Lâm Lý	Thay các phai cống	Năm 2015	30	

	bạch Đằng		Bạch Đằng			
2	Bê tông đoạn đường tránh bão lụt từ cống Phước Lâm - đến Đê I cô	Thôn Phước lâm và các Hộ NTTS	Bê tông hoá đoạn đường dài 0,7 km	Năm 2015	2000	
3	Nâng cấp đường phòng tránh bão lụt xóm đảo thôn Thủ Lễ 2	Xóm đảo thôn Thủ Lễ 2	Nâng cấp đường phòng tránh bão lụt xóm đảo dài 0,5 km	Năm 2015	1000	
4	Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân	Tại cộng đồng dân cư	Tập huấn kỹ năng phòng tránh giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho người dân	Năm 2015, 400 người/8 lớp	16	300
5	Thoát úng trong khu dân cư	Khu vực Đông Phước	Xây dựng công mương thoát nước dân sinh 1km	2015 - 2020	700	300
6	Xóa nhà tạm	51 hộ nhà tạm	Huy động mọi nguồn lực để xây nhà kiên cố	2015 - 2020	1800	30
7	Hạn chế dịch bệnh trong chăn nuôi	Các hộ có chăn nuôi gia súc gia cầm	Xây dựng mô hình chăn nuôi bằng đệm lót sinh học, 10 mô hình	2015 -2016	70	
8	Hạn chế lúa chết do nhiễm mặn, nhiễm phèn	3 HTX nông nghiệp	- Xây dựng mô hình giống lúa chịu mặn 2 ha	2015 - 2017	20	300
9	Tu sửa kênh mương nội đồng	3 HTX nông nghiệp	- Sửa chữa nâng cấp các kênh mương bị hư hỏng và làm mới 3,1km - Làm mới cống Bạch Đằng	2015 - 2020	3000	500
10	Kè đá chắn sóng	Khu vực NTTS	- Kè đá bảo vệ vùng NTTS 3km	2015 - 2020	1000	

11	Hạ chế dịch bệnh và ô nhiễm môi trường	5 thôn vùng Đầm Phá	Quy hoạch vùng NTTS	2015 - 2017	100	
----	--	---------------------	---------------------	-------------	-----	--

#### **IV. Kiến nghị đề xuất**

##### **1. Cấp thôn và trường học:**

- Trang bị áo phao, phao cứu sinh cho đội phòng chống lụt bão của thôn, trường học, HTX: 120 áo phao, 60 phao cứu sinh.

- Trang bị thêm 8 loa cầm tay

- Trang bị 8 thôn 8 tủ cứu thương - y tế

- Xây dựng âu thuyền tránh bão 2 thôn Phước Lập, Mai Dương.

##### **2. Cấp xã:**

- Trang bị thêm 2 chiếc đò máy

- Sửa chữa hệ thống cống Bạch Đằng để thoát lũ và ngăn triều cường lên.

- Nâng cấp và bê tông hoá các tuyến đường tránh bão, lụt dài 1,5 km.

- Đề nghị cấp trên đầu tư mở rộng ngoài đê I cô để tiêu thoát lũ nhanh hơn, không bị úng trong khu dân cư và nội đồng.

- Kè chống sạt lở hai bên sông Thủ Lễ - Khuông Phò Đông.

**Trên đây là báo cáo tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xã Quảng Phước.**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Đã ký

##### **Nơi nhận:**

- Hội chữ thập đỏ tỉnh;
  - BTV Đảng uỷ;
  - TT. HĐND xã;
  - CT, PCT. UBND xã;
  - Mặt trận và các đoàn thể xã;
  - Trường học, trạm y tế, HTX;
  - Các thôn;
  - Lưu VP.
- } (để b/c);

**Lê Đức Ưa**



